

Bản án số: 670/2017/HS- PT
Ngày: 13/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Năng Thành

Các Thẩm phán: Ông Tạ Phú Cường

Ông Lưu Ngọc Cảnh

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương -
Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia
phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà; Chức vụ: Kiểm sát viên.*

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 295/2017/HSPT ngày 13/4/2017 đối với bị cáo Lê Đình KK do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện ..., thành phố Hà nội.

*** Bị cáo kháng cáo: Lê Đình KK**(các tên khác: Lê M, Lê QM, Lê VM); sinh năm ...; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ..., tỉnh Hưng Yên; nơi ở: ..., thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Già yếu; trình độ văn hóa: 10/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông LĐK và bà NTQ; có vợ là NTT (sinh năm ...) và 04 con (sinh các năm 1980, 1982, 1984 và 1995); tiền án: Ngày 01/8/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây xử phạt 15 tháng tù về tội đánh bạc (về hành vi phạm tội năm 2003); ngày 29/10/2003 (bản án số 926/HSST), Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (hành vi phạm tội năm 2001- chưa xóa án tích); đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 10/9/2015 đến ngày 18/9/2015; tại ngoại; vắng mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình KK: Bà Phan Thị LH;** luật sư của Công ty Luật ... thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người bị hại có kháng cáo:**

1. Ông Chủr BH; sinh năm ...; địa chỉ: ..., thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Nguyễn VT; sinh năm: ...; địa chỉ: ..., thành phố Hà Nội; có mặt.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án có kháng cáo: Bà NTT; sinh năm ...; địa chỉ: ..., thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Ngoài ra, còn có người bị hại (*bà Nguyễn TH*) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; *đều vắng mặt.*

NHẬN THẤY

** Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ... và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ... thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Qua quan hệ xã hội, Lê Đình KK quen ông Nguyễn VT và vợ chồng ông Chử BH, bà NTH; KK tự giới thiệu là nhà báo (*công tác tại báo Pháp luật*), là thành viên của Công ty cổ phần đào tạo và hướng nghiệp ... thuộc Hội khuyến học Việt Nam, có nhiều mối quan hệ với lãnh đạo cấp cao, với các cơ quan nhà nước và có khả năng xin giúp việc làm cho người lao động. Ông VT và vợ chồng ông BH, bà NTH tin tưởng nên đã giao tiền, nhờ KK xin việc cho con người nhà; cụ thể như sau:

Tháng 02 năm 2013 tại nhà của KK (...), ông VT giao cho KK các hồ sơ và 217.500.000đồng để nhờ xin giúp cho các chị Nguyễn THH, Lê TTN, Lê MH và Nguyễn TT vào làm việc tại Bệnh viện ...; KK cam kết trong quý II năm 2013, các cháu sẽ được vào làm. Khoảng 03 tháng sau, KK thông báo là đã xin việc cho 04 cháu vào làm tại Bệnh viện khác. Ông VT và gia đình không đồng ý nên KK khẳng định hết quý IV sẽ xin được vào Bệnh viện Đầu năm 2014, KK thông báo không xin được việc cho các cháu của ông VT nhưng không trả lại tiền và bỏ trốn.

Ông Chử BH nhờ KK xin cho con trai vào làm tại Tổng cục Hải quan tại Hà Nội. Tháng 02 năm 2013, tại nhà của KK (...), ông BH và vợ là bà NTH đã đưa 160.000.000đồng và bộ hồ sơ xin việc cho KK. Sau đó, KK không thực hiện cam kết, chi tiêu hết số tiền đã nhận và bỏ trốn.

Ngày 10/9/2015, KK đầu thú, nhờ vợ là NTT giao nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; sau đó, bà NTT (vợ KK) tự nguyện nộp thêm 230.000.000đồng để khắc phục hậu quả cho Lê Đình KK; tổng cộng là 330.000.000đồng.

Các bị hại là ông Nguyễn VT, ông Chử BH và bà NTH đề nghị xử lý Lê Đình KK theo quy định của pháp luật và yêu cầu KK phải bồi thường

số tiền đã chiếm đoạt (của ông VT là 217.500.000đồng, của vợ chồng ông BH, bà NTH là 160.000.000đồng).

** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 09/3/2017, Tòa án nhân dân huyện ..., thành phố Hà Nội đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Lê Đình KK (tức...) phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, các điểm b, m và p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Đình KK 06 năm, 06 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ (từ ngày 10/9/2015 đến ngày 18/9/2015).

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 589, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Đối với số tiền 330.000.000đồng (Theo ủy nhiệm chi số 29 lập ngày 6/6/2016 của Công an huyện Thanh Trì): Trao trả ông Nguyễn VT là 190.000.000đồng; trao trả vợ chồng ông Chử BH, bà NTH là 140.000.000đồng.

- Buộc bị cáo Lê Đình KK phải bồi thường tiếp cho ông Nguyễn VT là 27.500.000đồng; bồi thường tiếp cho vợ chồng ông Chử BH, bà NTH là 20.000.000đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, các điều kiện về thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/3/2017, bị cáo Lê Đình KK có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan, bỏ lọt tội phạm.

Ngày 23/3/2017, ông Nguyễn VT và ông Chử BH có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Đình KK.

Ngày 23/3/2017, bà NTT có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị được nhận lại 330.000.000đồng đã nộp tại cơ quan điều tra.

** Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn VT và ông Chử BH (các bị hại) vẫn giữ nguyên kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Đình KK; đề nghị giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm về dân sự và biện pháp tư pháp; đề nghị không chấp nhận kháng cáo đòi lại 330.000.000đồng của bà NTT.*

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình KK không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về việc bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường,

bị cáo là người già và đang cấp cứu tại Bệnh viện do mắc bệnh hiểm nghèo, bị cáo đầu thú để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, sau khi phân tích về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, ông Nguyễn VT và ông Chử BH, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo Lê Đình KK; chấp nhận một phần kháng cáo của bà NTT, buộc bị cáo Lê Đình KK trả lại cho bà NTT là 230.000.000đồng; các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi liên quan đến vụ án phù hợp về chủ thể và thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 231, 233 và khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Đình KK và người có quyền lợi liên quan đến vụ án là bà NTT vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; gia đình bị cáo giao nộp tài liệu về việc bị cáo đang điều trị nội trú tại khoa Nội ... và xin vắng mặt tại phiên tòa; bà NTT có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Những người kháng cáo là bị cáo Lê Đình KK và người có quyền lợi liên quan đến vụ án (*bà NTT*) đã được triệu tập hợp lệ, đã có lời khai đầy đủ tại cấp sơ thẩm, việc vắng mặt của bị cáo và bà NTT không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bị cáo và bà NTT theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 187, Điều 191 và khoản 2 Điều 245 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Lời khai của bị cáo Lê Đình KK tại cấp sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng; phù hợp các vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án - Đủ cơ sở kết luận: Mặc dù không có chức năng tuyển dụng hoặc môi giới xin việc làm nhưng Lê Đình KK đã gian dối, tự giới thiệu có quan hệ rộng, có khả năng xin việc làm để các bị hại tin tưởng giao tiền và nhờ KK giúp đỡ;

trong năm 2013, tại nơi ở của mình (...), KK đã nhận tiền, hứa hẹn xin việc giúp nhưng không thực hiện cam kết và bỏ trốn để chiếm đoạt của các bị hại là 377.500.000đồng (ông Nguyễn VT là 217.500.000đồng, vợ chồng ông Chử BH và bà NTH là 160.000.000 đồng); hành vi của Lê Đình KK đã phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" với tình tiết định khung tăng nặng "*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng*"; tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự; bản án sơ thẩm quy kết bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ và đúng pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo; không chấp nhận đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo KK.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn VT và ông Chử BH, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Đình KK là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của nhiều người, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung; về nhân thân bị cáo đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích thể hiện là bị cáo có nhân thân xấu và bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "*tái phạm*" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; bị cáo "*thành khẩn khai báo*", "*tự nguyện bồi thường*", "*người phạm tội là người già*", "*đầu thú*" và "*đang mắc bệnh hiểm nghèo*" là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, m và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, được cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng đối với bị cáo; xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 năm, 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về việc tăng nặng hình phạt, Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội là người già và đang mắc bệnh hiểm nghèo.

Xét kháng cáo của bà NTT, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ngày 11/9/2015 (*bút lục số 165*), bà NTT (*vợ bị cáo KK*) đã nộp tại cơ quan điều tra là 100.000.000đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo và xác định đây là tiền của bị cáo nhờ nộp hộ nên bà NTT không có quyền đòi bồi hoàn đối với số tiền này. Các ngày 14 và 18 tháng 9 năm 2015 (*bút lục số 167a và*

số 170), bà NTT tự nguyện dùng tiền của bà NTT và giao nộp tiếp là 230.000.000đồng để bồi thường thay bị cáo; các tình tiết này đã được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm ghi nhận, sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án và bị cáo đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà NTT, buộc bị cáo KK phải bồi hoàn cho bà NTT là 230.000.000đồng theo phân tích nêu trên.

Về thi hành án dân sự: Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác nhận: Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự về nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị cáo và những người kháng cáo đều không phải nộp án phí hình sự và dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án; bà NTT được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 240 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 187, Điều 191, khoản 2 Điều 245, điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm:

* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, các điểm b, m và p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 và điểm g (*tái phạm*) khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đình KK (*tên khác: ...*) 04 (*bốn*) năm, 06 (*sáu*) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ (*từ ngày 10/9/2015 đến ngày 18/9/2015*).

* Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 579 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Lê Đình KK phải bồi hoàn cho bà NTT là 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng.

- Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Lê Đình KK và những người kháng cáo đều không phải nộp án phí hình sự và dân sự phúc thẩm.

- Hoàn trả lại bà NTT 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 8229 ngày 05/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ..., thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về dân sự, xử lý vật chứng, các điều kiện thi hành án và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ...;
- Công an huyện ...;
- TAND huyện ...;
- Chi cục THADS huyện ...;
- Những người kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Năng Thành